

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 394/2017/DS-ST

Ngày : 18/9/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông Huỳnh Tiến Dũng;
 2- Ông Chu Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2017/TLST-DS ngày 19/5/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 537/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: ông Đoàn Văn Đ – sinh năm: 1959

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/ Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thanh H - sinh năm: 1973

Địa chỉ: khu phố 5, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1955

Trú tại: khu phố 5, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của ông Đoàn Văn Đ trong quá trình tố tụng tại Tòa án: ông Đoàn Văn Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H trả cho ông số tiền vay còn nợ là 442.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày bà H chậm trả tiền nợ gốc, cụ thể tiền lãi suất tính từ ngày ký giấy nợ theo giấy vay tiền ngày 07/3/2016, ngày 10/01/2016, ngày 10/02/2016, ngày 29/3/2016, ngày

09/01/2016, ngày 15/12/2015 và ngày 07/8/2015 cho đến khi thanh toán xong hết nợ. Quá trình mượn nợ hàng tháng bà H trả tiền lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng và hiện nay vẫn đang trả tiền lãi suất và không trả bất kỳ khoản tiền gốc nào cho ông Đ. Việc vay mượn này không có thể chấp tài sản do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì vậy ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: bà thừa nhận các giấy vay tiền ông Đoàn Văn Đ yêu cầu bà trả tiền là do bà ký tên và có nợ ông Đ, tổng số tiền trên giấy vay tiền đúng số tiền 442.000.000 đồng như ông Đ trình bày. Tuy nhiên trong số tiền này có 190.000.000 đồng là tiền thuê nhà bà còn nợ ông Đ, không phải là tiền vay do đó bà không đồng ý trả số tiền này, ngoài ra trong quá trình nợ bà đã nhờ Ông Nguyễn Văn H trả 82.000.000 đồng ông Đ có viết biên nhận tiền nhưng bà đã làm thất lạc biên nhận tiền này. Vì vậy bà không đồng ý một phần yêu cầu của nguyên đơn, số tiền 190.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 07/8/2015 bà cho rằng đây là tiền thuê nhà bà còn nợ và hai bên đã thoả thuận khi nào bà có tiền đền bù mới trả cho ông Đ khoản tiền này, vì vậy ông Đ không được đòi bà trả số tiền này, số tiền 82.000.000 đồng bà đã trả cho ông Đ vì vậy bà chỉ đồng ý trả số tiền 170.000.000 đồng cho ông Đ. Về tiền lãi suất hàng tháng bà vẫn trả cho ông Đ 1.000.000 đồng/tháng cho đến nay vẫn trả đều đặn.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thanh H là anh em ruột trong gia đình, và ở gần nhà bà H nên biết giữa bà H và ông Đ có mối quan hệ vay mượn với nhau, còn việc vay mượn bao nhiêu ông không biết. Thịnh thoảng bà H có nhờ ông đem trả tiền lãi cho ông Đ. Vào năm 2016 bà H có một số tiền nên nhờ ông đem trả cho ông Đ, số tiền này được bà H gói lại ông không mở ra đếm nên không biết bao nhiêu tiền, chính ông đem số tiền này đưa tận tay ông Đ và ông Đ có viết giấy ký nhận số tiền này, sau đó ông đem tờ giấy này về đưa ngay cho bà H cất giữ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H trả số tiền gốc 442.000.000 đồng và tiền lãi xuất tính đến ngày Tòa xét xử với mức lãi suất 1%/tháng, tạm tính đến tháng 8/2017 số tiền lãi suất là 91.960.000 đồng, đồng ý trừ 40.000.000 đồng vào số tiền gốc bà H đã trả, bà H còn nợ tiền gốc 402.000.000 đồng và trừ 24.000.000 đồng tiền lãi suất hàng tháng bà H đã trả cho ông Đ.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thanh H ngày Tòa án xét xử giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại số khu phố 5, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vay thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 07/3/2016, ngày 10/01/2016, ngày 10/02/2016, ngày 29/3/2016, ngày 09/01/2016, ngày 15/12/2015 và ngày 07/8/2015. Xét giấy vay tiền nêu trên về nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật căn cứ theo các Điều 388, Điều 401, Điều 402, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, nên có hiệu lực thi hành.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, đánh giá các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H trả số nợ gốc 442.000.000 đồng. Căn cứ giấy vay tiền ngày 07/3/2016 bà H vay 35.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ 07/3/2017; ngày 10/01/2016 vay 60.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ ngày 10/7/2016; ngày 10/02/2016 vay 42.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ ngày 10/3/2016; ngày 29/3/2016 vay 45.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ ngày 29/12/2017 và ngày 09/01/2016 vay 20.000.000 đồng hạn cuối trả nợ 09/11/2018 hai khoản vay này hai bên đã thoả thuận quá thời hạn 01 tháng mà không trả tiền lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị thực hiện và bên vay tiền phải trả ngay vốn gốc cho bên cho vay; ngày 15/12/2015 vay 50.000.000 đồng ngày đến hạn trả nợ là ngày 21/12/2018 hai bên cũng thoả thuận quá thời hạn 06 tháng mà không trả tiền lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị thực hiện; ngày 07/8/2015 vay 190.000.000 đồng ngày đến hạn trả tiền là ngày 07/3/2018 hai bên thống nhất nếu bên vay không trả tiền lãi quá 02 tháng thì hiệu lực về thời gian bị hết hiệu lực bên vay phải trả ngay 01 lần số tiền vốn đã nhận. Các giấy vay tiền này đều có bản chính và bản thân bà H cũng thừa nhận còn nợ ông Đ số tiền này và xác nhận đã ký tên vay tiền trên các khoản vay này. Như vậy các khoản vay này đến thời điểm ông Đ khởi kiện, các khoản vay này đã đến hạn trả nợ, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với số tiền 190.000.000 đồng của khoản vay ngày 07/8/2015 bà H cho rằng đây là tiền thuê nhà bà còn nợ ông Đ mà không phải là tiền vay, tuy nhiên bà H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đây là tiền thuê nhà, mặc khác bà cho rằng bà có thoả thuận với ông Đ số tiền này khi nào có tiền đền bù bà sẽ hoàn trả cho ông Đ, trong khi chưa có tiền ông Đ không được đòi, tuy nhiên thoả thuận này chỉ có bà H nêu ý kiến, ông Đ không chấp nhận vì vậy không có cơ sở xem xét yêu cầu này của bà H.

[5] Đối với số tiền 82.000.000 đồng bà H cho rằng đã trả cho ông Đ qua ông H nhưng theo lời khai của ông H, ông H xác định có đưa tiền trả nợ của bà H cho ông Đ nhưng ông không xác định được bao nhiêu tiền, khi ông Đ nhận tiền có viết giấy biên nhận cho bà H, bà H xác nhận đã nhận được biên nhận tiền của ông Đ nhưng bà đã làm mất giấy này, bản thân ông Đ cũng thừa nhận đã nhận 40.000.000 đồng tiền bà H trả cho ông Đ đối với khoản vay 42.000.000 đồng ngày 10/2/2016, còn nợ lãi 2.000.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền bà H đã trả cho ông Đ là 40.000.000 đồng mà không có cơ sở xem xét bà H đã trả 82.000.000 đồng cho ông Đ.

Vì vậy buộc bà H trả toàn bộ số nợ gốc còn nợ ông Đ chưa trả là 402.000.000 đồng.

Về tiền lãi suất ông Đ yêu cầu tính 1%/tháng mức lãi suất này phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về thời hạn tính lãi suất tính từ ngày ký giấy vay tiền đến ngày Toà án xét xử vụ án ngày 18/9/2017 cụ thể như sau:

Ngày 07/8/2015 vay 190.000.000 x 773 ngày x 1%/30 = 48.956.667 đồng.

Ngày 15/12/2015 số tiền vay 50.000.000 đồng x 643 ngày x 1%/30 = 10.716.667 đồng.

Ngày 09/01/2016 vay 20.000.000 đồng x 618 ngày x 1%/30 = 4.120.000 đồng.

Ngày 29/3/2016 vay 45.000.000 đồng x 538 ngày x 1%/30 = 8.070.000 đồng

Ngày 10/01/2016 vay 60.000.000 đồng x 617 ngày x 1%/30 = 12.340.000 đồng

Ngày 07/3/2016 vay 35.000.000 đồng x 560 ngày x 1%/30 = 6.533.333 đồng.

Ngày 10/02/2016 vay 42.000.000 đồng (đã trả 40.000.000 đồng), còn nợ 2.000.000 đồng x 586 ngày x 1%/30 = 390.667 đồng.

Tổng cộng tiền lãi suất: 91.127.334 đồng,

Quá trình thu thập chứng cứ phía ông Đ và bà H cùng xác nhận, hàng tháng bà H có trả tiền lãi suất cho ông Đ 1.000.000 đồng/tháng và trả từ tháng 8/2015 cho đến nay, tính đến tháng 8/2017 bà H đã trả tiền lãi suất được 24.000.000 đồng. Do đó tiền lãi suất bà H còn phải trả cho ông Đ tính đến ngày xét xử là 67.127.334 đồng.

Từ nhận định trên có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả số tiền gốc 402.000.000 đồng và tiền lãi suất 67.127.334 đồng; tổng cộng: 469.127.334 đồng cho ông Đoàn Văn Đ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 22.765.093 đồng.

+ Yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 388, Điều 401, Điều 424, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ông Đoàn Văn Đ số tiền nợ gốc đến hạn là 402.000.000 đồng và tiền lãi suất là 67.127.334 đồng; tổng cộng: 469.127.334 đồng (bốn trăm sáu mươi chín nghìn một trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Đoàn Văn Đ nếu bà Nguyễn Thị Thanh H chưa trả số tiền trên, thì bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 22.765.093 đồng.

Trả cho ông Đoàn Văn Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 15412 ngày 19/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.TĐ;
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo